



**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

(đã được kiểm toán)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021
(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 34
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính	11- 34

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/01/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Vũ Thị Hào	Chủ tịch
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Thân	Giám đốc
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban kiểm soát
Ông Nguyễn Đắc Huân	Kiểm soát viên
Ông Lê Quang Hà	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ngô Quang Thân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Số: 160222.001/BCTC.KT5

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội được lập ngày 16 tháng 02 năm 2022, từ trang 06 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
HÃNG KIỂM TOÁN
AASC

Phạm Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0777-2018-002-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

Hoàng Thúy Nga

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2018-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		15.036.780.906	17.797.289.391
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	4.043.152.732	5.297.445.360
111	1. Tiền		1.543.152.732	2.797.445.360
112	2. Các khoản tương đương tiền		2.500.000.000	2.500.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	3.000.000.000	2.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		3.000.000.000	2.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		3.730.403.110	5.032.389.048
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	2.665.397.492	3.382.660.649
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	258.700.000	663.450.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	871.505.618	1.051.478.399
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(65.200.000)	(65.200.000)
140	IV. Hàng tồn kho	9	3.302.140.583	4.874.631.309
141	1. Hàng tồn kho		3.302.140.583	4.909.477.162
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(34.845.853)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		961.084.481	92.823.674
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	455.963.764	92.823.674
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		101.958.911	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	403.161.806	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.618.064.937	29.470.974.666
220	I. Tài sản cố định		14.354.602.414	13.450.931.993
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	14.354.602.414	13.450.931.993
222	- Nguyên giá		61.856.704.863	60.128.702.076
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.502.102.449)	(46.677.770.083)
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		15.078.440.429	14.236.739.978
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	11	15.078.440.429	14.236.739.978
260	III. Tài sản dài hạn khác		3.185.022.094	1.783.302.695
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	3.185.022.094	1.783.302.695
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		47.654.845.843	47.268.264.057

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		22.229.849.296	21.825.142.379
310	I. Nợ ngắn hạn		22.179.849.296	21.775.142.379
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13	1.993.608.946	1.432.577.064
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	90.066.964	41.549.254
314	3. Phải trả người lao động		1.392.186.510	2.162.510.706
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	137.280.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	15	18.532.999.248	17.790.733.378
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		170.987.628	210.491.977
330	II. Nợ dài hạn		50.000.000	50.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	15	50.000.000	50.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		25.424.996.547	25.443.121.678
410	I. Vốn chủ sở hữu	16	25.424.996.547	25.443.121.678
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.959.850.000	20.959.850.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.959.850.000	20.959.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		229.755.263	229.755.263
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.589.722.101	2.589.722.101
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.645.669.183	1.663.794.314
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		65.509.163	25.098.675
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.580.160.020	1.638.695.639
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		47.654.845.843	47.268.264.057



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2021

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	29.821.770.824	27.298.069.523
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		29.821.770.824	27.298.069.523
11	3. Giá vốn hàng bán	19	22.772.092.151	19.879.423.763
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.049.678.673	7.418.645.760
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	20	217.876.088	163.229.852
25	6. Chi phí bán hàng	21	106.646.591	88.389.780
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	5.256.225.150	5.569.697.116
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		1.904.683.020	1.923.788.716
31	9. Thu nhập khác	23	105.713.846	1.400.000
32	10. Chi phí khác		8.000.001	279
40	11. Lợi nhuận khác		97.713.845	1.399.721
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.002.396.865	1.925.188.437
51	13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	24	422.236.845	286.492.798
60	14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		1.580.160.020	1.638.695.639
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25		846



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.002.396.865	1.925.188.437
	2. Điều chỉnh cho các khoản		2.298.475.172	2.040.632.068
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		2.603.233.476	2.415.687.087
03	- Các khoản dự phòng		(34.845.853)	(211.825.167)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(269.912.451)	(163.229.852)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		4.300.872.037	3.965.820.505
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		466.172.221	(1.557.857.368)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		1.607.336.579	932.817.632
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		90.085.103	862.350.628
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(1.764.859.489)	(259.358.319)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(356.211.847)	(352.214.324)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(170.600.000)	(69.361.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.172.794.604	3.522.197.754
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(3.726.604.348)	(2.330.523.362)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		52.036.363	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.500.000.000)	(2.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		9.000.000.000	3.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		201.569.088	124.255.071
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.972.998.897)	(1.206.268.291)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	1.973.507.948
36	2. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.454.088.335)	(1.414.522.388)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.454.088.335)	558.985.560

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2021

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(1.254.292.628)	2.874.915.023
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		5.297.445.360	2.422.530.337
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	4.043.152.732	5.297.445.360

Vũ Thị Hòa
Người lập biểu

Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09/09/1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12/09/1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29/03/2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0101493707, đăng ký lần đầu ngày 20/05/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 15/01/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.959.850.000 VND, tương đương 2.095.985 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 81 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 82 người).

Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và các sản phẩm giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhân, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế, xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hóa (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm

2.9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí tập hợp bao gồm chi phí thiết kế, giải phóng và đền bù cho hộ dân có đất nông nghiệp trong dự án được ghi nhận phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

2.10. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC thông báo từ BCC.

2.12. Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 36 tháng.
- Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 6 tháng đến 36 tháng.

2.13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là doanh thu nhận trước phản ánh số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

2.14. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

2.19. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21. Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	88.594.499	38.502.169
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.454.558.233	2.758.943.191
Các khoản tương đương tiền ⁽¹⁾	2.500.000.000	2.500.000.000
	4.043.152.732	5.297.445.360

⁽¹⁾ Tại ngày 31/12/2021, các khoản tương đương tiền là khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng có giá trị là 2.500.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đông Anh với lãi suất 3,2%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	3.000.000.000	-	2.500.000.000	-
	3.000.000.000	-	2.500.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 31/12/2021, đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng có giá trị là 3.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Đông Anh với lãi suất 5,2%/năm.

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND	Dự phòng	VND	Dự phòng
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	-	3.723.073	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	67.173.777	-	755.790.350	-
Công ty TNHH Quảng cáo và Truyền thông Bông sen Việt Nam	974.600.000	-	520.552.637	-
Công ty TNHH Phát triển Đông Phương	722.900.000	-	657.727.565	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	900.723.715	-	1.444.867.024	-
	2.665.397.492	-	3.382.660.649	-
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	256.502.107	-	1.309.587.987	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Phát triển Đô thị Hà Nội	156.000.000	-	-	-
Công ty TNHH DMK Việt Nam	-	-	300.000.000	-
Phạm Phúc Hà	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
Công ty TNHH Thương mại và Môi trường	37.500.000	-	37.500.000	-
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	(25.200.000)	25.200.000	(25.200.000)
Đối tượng khác	-	-	260.750.000	-
	258.700.000	(65.200.000)	663.450.000	(65.200.000)

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Phải thu về vật tư cho mượn	13.425.694	-	170.826.375	-
Phải thu Lãi tiền gửi dự thu	60.690.000	-	44.383.000	-
Phải thu về bảo hiểm xã hội	2.848.521	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	35.000.000	-	90.000.000	-
Tạm ứng	131.089.481	-	121.119.194	-
Phải thu Ban quản lý kho Đông Anh ⁽¹⁾	573.270.000	-	573.270.000	-
Phải thu khác	55.181.922	-	51.879.830	-
	871.505.618	-	1.051.478.399	-
Trong đó: Phải thu ngắn hạn khác là các bên liên quan	13.425.694	-	170.459.317	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

⁽¹⁾ Thực hiện theo Quyết định số 196/2019/QĐ-GĐ ngày 10/07/2019 của Giám đốc Công ty Cổ phần In sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội về việc thành lập Ban quản lý dự án “Mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội”. Theo đó, các khoản phải thu trên liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện dự án và sẽ được thu hồi khi dự án hoàn thành.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Chiến Thắng	25.200.000	-	25.200.000	-
Phạm Phúc Hà	40.000.000	-	40.000.000	-
	65.200.000	-	65.200.000	-

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.242.116.215	-	1.199.247.634	(34.845.853)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	936.495.855	-	1.692.959.941	-
Thành phẩm	1.123.528.513	-	2.017.269.587	-
	3.302.140.583	-	4.909.477.162	(34.845.853)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	5.823.249.837	51.893.324.831	2.176.488.408	235.639.000	60.128.702.076
- Đầu tư XDCB hoàn thành	421.403.900	-	-	-	421.403.900
- Mua trong năm	-	3.003.000.000	-	82.499.997	3.085.499.997
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.778.901.110)	-	-	(1.778.901.110)
Số dư cuối năm	6.244.653.737	53.117.423.721	2.176.488.408	318.138.997	61.856.704.863
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	4.415.942.281	39.939.851.910	2.086.336.892	235.639.000	46.677.770.083
- Khấu hao trong năm	226.015.950	2.311.289.496	63.636.364	2.291.666	2.603.233.476
- Thanh lý, nhượng bán	-	(1.778.901.110)	-	-	(1.778.901.110)
Số dư cuối năm	4.641.958.231	40.472.240.296	2.149.973.256	237.930.666	47.502.102.449
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.407.307.556	11.953.472.921	90.151.516	-	13.450.931.993
Tại ngày cuối năm	1.602.695.506	12.645.183.425	26.515.152	80.208.331	14.354.602.414

* Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 38.796.077.518VND.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh ⁽ⁱ⁾	15.078.440.429	14.236.739.978
	15.078.440.429	14.236.739.978

⁽ⁱ⁾ Trong năm 2010, thực hiện chỉ đạo của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty và một số đơn vị thành viên khác của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam (Xem thêm ở Thuyết minh số 16) đã ký kết hợp đồng hợp tác số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 để thực hiện đầu tư Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội sẽ đứng vai trò là chủ đầu tư của dự án, thực hiện các thủ tục đầu tư, tập hợp chi phí. Kinh phí để thực hiện dự án sẽ do các bên còn lại góp vốn theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện dự án: Tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: Dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất;
- Dự án đã được UBND Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện tại, Dự án chưa triển khai công tác xây dựng mặt bằng nhà xưởng do Giấy phép đầu tư dự án đầu tư đã hết hạn từ năm 2016. Chi phí phát sinh trong năm là tiền thuê đất và tiền thuế sử dụng đất phi nông nghiệp năm 2021, phí dịch vụ tư vấn, số tiền: 841.700.451 VND.

Trong năm 2019, ba bên góp vốn để thực hiện dự án ban đầu là Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục miền Bắc đã gửi công văn yêu cầu rút vốn thực hiện dự án theo tỷ lệ góp vốn.

Trong năm 2019, Công ty đã ký hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Sản xuất Phát triển MiZen để tiếp tục dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Tuy nhiên đến ngày 20/02/2020, Công ty và Công ty Cổ phần Sản xuất Phát triển MiZen đã ký biên bản hủy bỏ hợp đồng hợp tác đầu tư.

Trong năm 2020, Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận cho gia hạn sử dụng đất 24 tháng theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 04/05/2020. Ngày 26/08/2020, Công ty ký hợp đồng dịch vụ với Công ty TNHH DMK Việt Nam về việc tư vấn cho Công ty để thực hiện dự án.

Ngày 14/09/2020, Công ty đã gửi công văn lên Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Ngày 15/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành thông báo số 1069/TB-KH&ĐT gửi công ty với nội dung: Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tiếp tục đôn đốc Sở Quy hoạch kiến trúc, sau khi nhận được ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thẩm định, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định đúng quy định. Ngày 18/11/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo thẩm định số 730/BC-KH&ĐT đề xuất UBND xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương dự án. Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản số 10616/VP-KT ngày 07/12/2020 của Văn phòng UBND thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản 68/KH&ĐT-NNS ngày 07/01/2021 đề nghị các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đông Anh kiểm tra, rà soát theo chỉ đạo của UBND thành phố. Sau khi nhận được các văn bản của các Sở, ban ngành, ngày 05/03/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành văn bản số 816/KH&ĐT-NNS cho Công ty với nội dung đề nghị Công ty tiếp tục lập hồ sơ đề xuất chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định.

Ngày 27/08/2021, Công ty TNHH DMK Việt Nam và Công ty đã ký biên bản thanh lý hợp đồng. Đến nay, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện các công việc để lập hồ sơ đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định và tiếp tục tìm kiếm đối tác khác để phối hợp thực hiện.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	50.550.604	92.823.674
- Chi phí sửa chữa phụ tùng máy móc	261.820.833	-
- Chi phí sửa khác	143.592.327	-
	455.963.764	92.823.674
b) Dài hạn		
- Chi phí công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	11.497.728
- Chi phí sửa chữa cải tạo văn phòng, nhà xưởng	3.185.022.094	1.771.804.967
	3.185.022.094	1.783.302.695

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng	Giá trị	Số có khả năng
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty TNHH Thương mại Quốc tế Long Quang	127.270.000	127.270.000	179.300.000	179.300.000
Công ty Cổ phần In Khoa học kỹ thuật	2.287.007	2.287.007	722.700	722.700
Nhà máy in Bộ Tổng tham	-	-	286.000.000	286.000.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng Phát triển Hòa Bình	185.526.000	185.526.000	183.315.000	183.315.000
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu ngành in SIC	589.284.300	589.284.300	123.445.300	123.445.300
Công ty cổ phần An Hùng Minh	320.866.124	320.866.124	110.741.378	110.741.378
Công ty Cổ phần Thương mại Bất động sản Hà Nội	275.000.000	275.000.000	-	-
Phải trả cho các đối tượng khác	493.375.515	493.375.515	549.052.686	549.052.686
	1.993.608.946	1.993.608.946	1.432.577.064	1.432.577.064

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	16.627.288	1.446.101.616	1.462.728.904	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	24.019.564	422.236.845	356.211.847	-	90.044.562
Thuế thu nhập cá nhân	-	902.402	53.896.891	54.776.891	-	22.402
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.177.236.822	1.580.398.628	403.161.806	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	41.549.254	3.103.472.174	3.458.116.270	403.161.806	90.066.964

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	18.382.605	18.382.605
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư ⁽ⁱ⁾	16.760.927.818	16.237.254.640
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	6.390.350.722	6.193.973.280
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.936.031.812	3.805.113.518
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	6.434.545.284	6.238.167.842
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.753.688.825	1.535.096.133
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	110.436.012	97.334.847
- Phải trả về tiền thuế Thu nhập cá nhân	7.944.939	7.944.939
- Phải trả về vật tư vay, mượn	1.012.794.458	939.753.122
- Phải trả về tiền thù lao Hội đồng Quản trị	93.500.000	55.000.000
- Phải trả phải nộp khác	529.013.416	435.063.225
	18.532.999.248	17.790.733.378
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	50.000.000	50.000.000
	50.000.000	50.000.000
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	17.777.953.577	17.173.562.346
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)		

⁽ⁱ⁾ Đây là tiền góp vốn của các bên để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 (Xem thêm Thuyết minh 11).

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.159.850.000	-	(943.752.685)	2.589.722.101	1.556.895.081	23.362.714.497
Tăng vốn trong năm trước	800.000.000	-	-	-	-	800.000.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	1.638.695.639	1.638.695.639
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	229.755.263	943.752.685	-	-	1.173.507.948
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.422.813.750)	(1.422.813.750)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(108.982.656)	(108.982.656)
Số dư cuối năm trước	20.959.850.000	229.755.263	-	2.589.722.101	1.663.794.314	25.443.121.678
Lãi trong năm	-	-	-	-	1.580.160.020	1.580.160.020
Chia cổ tức	-	-	-	-	(1.467.189.500)	(1.467.189.500)
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(131.095.651)	(131.095.651)
Số dư cuối năm nay	20.959.850.000	229.755.263	-	2.589.722.101	1.645.669.183	25.424.996.547

Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 số 01/2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021, Công ty đã thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:

	Số tiền
	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế năm 2020	1.638.695.639
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi	131.095.651
Chia cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 700 VND)	1.467.189.500
Lợi nhuận còn lại chuyển năm sau	40.410.488

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2021	Tỷ lệ	01/01/2021	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.269.760.000	49,00%	10.269.760.000	49,00%
Các cổ đông khác	10.690.090.000	51,00%	10.690.090.000	51,00%
Cộng	20.959.850.000	100%	20.959.850.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.959.850.000	20.159.850.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	800.000.000
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	20.959.850.000	20.959.850.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	97.334.847	89.043.485
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	1.467.189.500	1.422.813.750
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>1.467.189.500</i>	<i>1.422.813.750</i>
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	1.454.088.335	1.414.522.388
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	<i>1.454.088.335</i>	<i>1.414.522.388</i>
- Số dư cuối năm	110.436.012	97.334.847

d) Cổ phiếu

	31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.095.985	2.095.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.095.985	2.095.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.095.985</i>	<i>2.095.985</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.095.985	2.095.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>2.095.985</i>	<i>2.095.985</i>

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	2.589.722.101	2.589.722.101
	2.589.722.101	2.589.722.101

17. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021	01/01/2021
USD	101,71	101,71
EUR	102,33	102,33

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với Nhà nước để sử dụng cho mục đích làm trụ sở làm việc, nhà kho và xưởng sản xuất từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích đất thuê lần lượt là 28.465,6 m² và 7662 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

18. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn	23.297.047.458	20.909.820.449
Doanh thu khác	6.524.723.366	6.388.249.074
	29.821.770.824	27.298.069.523
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	19.925.777.784	19.751.440.456

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ in ấn	19.355.501.861	16.972.096.796
Giá vốn hàng bán khác	3.451.436.143	3.119.152.134
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(34.845.853)	(211.825.167)
	22.772.092.151	19.879.423.763

20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	217.876.088	163.229.852
	217.876.088	163.229.852

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	106.646.591	88.389.780
	106.646.591	88.389.780

22. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.430.782.079	1.838.274.887
Chi phí khấu hao tài sản cố định	10.490.396	139.570.732
Thuế, phí và lệ phí	152.612.824	310.410.216
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.304.496.501	1.689.562.356
Chi phí khác bằng tiền	1.357.843.350	1.591.878.925
	5.256.225.150	5.569.697.116

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	52.036.363	-
Các khoản khác	53.677.483	1.400.000
	105.713.846	1.400.000

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	2.002.396.865	1.925.188.437
Các khoản điều chỉnh tăng	108.787.360	121.188.690
- Các khoản chi phí không được trừ	108.787.360	121.188.690
Thu nhập chịu thuế TNDN	2.111.184.225	2.046.377.127
Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất hiện hành (thuế suất 20%)	422.236.845	409.275.425
Thuế TNDN được miễn giảm trong năm	-	(122.782.628)
Chi phí thuế TNDN hiện hành (Thuế suất 20%)	422.236.845	286.492.798
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	24.019.564	89.741.090
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(356.211.847)	(352.214.324)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	90.044.562	24.019.564

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.580.160.020	1.638.695.639
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.580.160.020	1.638.695.639
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.095.985	1.936.358
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	754	846

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.591.883.879	7.234.592.183
Chi phí nhân công	10.409.154.338	9.438.691.804
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	1.172.551.050	1.136.369.816
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.603.233.476	2.415.687.087
Thuế, phí và lệ phí	944.710.882	1.059.364.504
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.467.904.540	2.545.043.918
Chi phí khác bằng tiền	2.100.408.864	2.165.969.757
	26.289.847.029	25.995.719.069

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.043.152.732	-	5.297.445.360	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.536.903.110	-	4.434.139.048	-
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	2.500.000.000	-
	10.580.055.842	-	12.231.584.408	-

	Giá trị số kế toán	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	20.576.608.194	19.273.310.442
	20.576.608.194	19.273.310.442

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).



	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.043.152.732	-	-	4.043.152.732
Phải thu khách hàng, phải thu khác	3.536.903.110	-	-	3.536.903.110
Các khoản cho vay	3.000.000.000	-	-	3.000.000.000
	10.580.055.842	-	-	10.580.055.842
Tại ngày 01/01/2021				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.297.445.360	-	-	5.297.445.360
Phải thu khách hàng, phải thu khác	4.434.139.048	-	-	4.434.139.048
Các khoản cho vay	2.500.000.000	-	-	2.500.000.000
	12.231.584.408	-	-	12.231.584.408

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	20.526.608.194	50.000.000	-	20.576.608.194
	20.526.608.194	50.000.000	-	20.576.608.194
Tại ngày 01/01/2021				
Phải trả người bán, phải trả khác	19.223.310.442	50.000.000	-	19.273.310.442
	19.223.310.442	50.000.000	-	19.273.310.442

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

28. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

29. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Doanh thu dịch vụ in ấn	Doanh thu khác	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	23.297.047.458	6.524.723.366	29.821.770.824
Giá vốn hàng bán và dịch vụ	19.320.656.008	3.451.436.143	22.772.092.151
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			29.821.770.824
Tổng chi phí mua tài sản cố định	3.506.903.897	-	3.506.903.897
Tài sản bộ phận	46.103.954.561	1.550.891.282	47.654.845.843
Tổng tài sản			51.161.749.740
Nợ phải trả của các bộ phận	22.229.849.296	-	22.229.849.296
Tổng nợ phải trả	22.229.849.296	-	22.229.849.296

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là in ấn yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo theo khu vực địa lý.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Công ty con của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Bàn đồ và Tranh ảnh giáo dục	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam
Công ty Cổ phần Sách đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam

001
CỘNG HÒA
KHUẾ
KIẾ
AS
M-

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Doanh thu dịch vụ in ấn và bán hàng khác	17.532.610.588	17.056.744.892
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	13.175.394.409	12.504.443.464
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	600.426.779	433.438.435
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà	1.799.690.351	2.500.222.976
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	1.297.192.973	1.073.759.093
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	659.906.076	544.880.924
Doanh thu cho thuê kho, cửa hàng	2.393.167.196	2.694.695.564
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	1.161.815.942	1.313.471.605
Công ty Cổ phần Sách đại học - Dạy nghề	87.818.182	175.636.364
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	687.400.026	609.432.453
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	83.248.086	160.992.389
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	372.884.960	427.230.753
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	7.932.000
Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:		
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	256.502.107	1.309.587.987
Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông	-	90.300.190
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	3.723.073
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	67.173.777	755.790.350
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	189.328.330	244.860.204
Công ty Cổ phần Bản đồ và Tranh ảnh giáo dục	-	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	-	214.914.170
Phải thu ngắn hạn khác	13.425.694	170.459.317
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	7.074.816	12.793.062
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	-	108.473.680
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	2.466.495	47.903.596
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.884.383	1.288.979

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	17.777.953.577	17.173.562.346
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	773.017.013	838.961.861
Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	117.916.800	44.898.786
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	92.180.787	15.567.126
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	33.911.159	36.879.933
Tiền góp vốn thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư	16.760.927.818	16.237.254.640
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	6.390.350.722	6.193.973.280
- Công ty Cổ phần Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.936.031.812	3.805.113.518
- Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Trường học miền Bắc	6.434.545.284	6.238.167.842

Thù lao, tiền lương (thu nhập) của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác: (Tiếp theo)

Thù lao, tiền lương, thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Bà Vũ Thị Hào	Chủ tịch HĐQT	5.000.000	5.000.000
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	395.885.103	251.083.667
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT	3.000.000	3.000.000
Ông Đinh Quốc Khánh	Thành viên HĐQT	3.000.000	3.000.000
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	21.000.000	21.000.000
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám Đốc	260.466.444	155.414.199
Bà Vũ Thị Hoà	Kế toán trưởng	280.691.960	155.213.358
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban kiểm soát	14.000.000	14.000.000
Ông Nguyễn Đắc Huân	Kiểm soát viên	208.537.097	145.599.635
Ông Lê Quang Hà	Kiểm soát viên	184.267.467	119.538.421

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 30 tháng 12 năm 2020 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2022